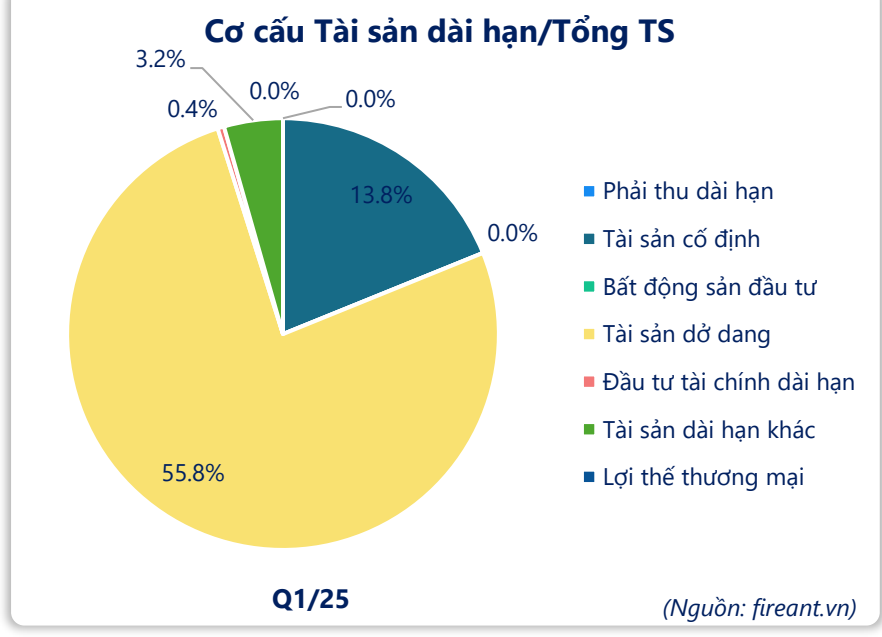
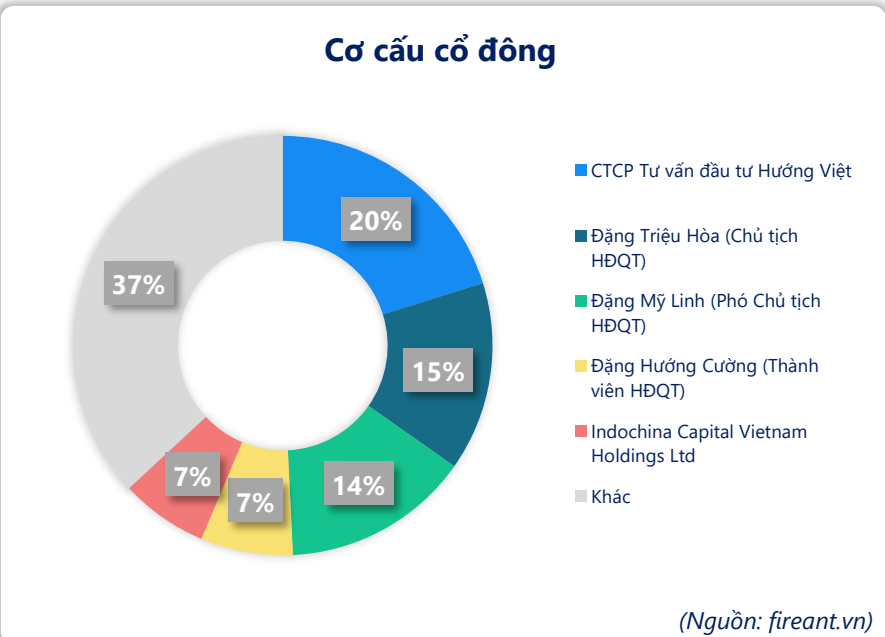
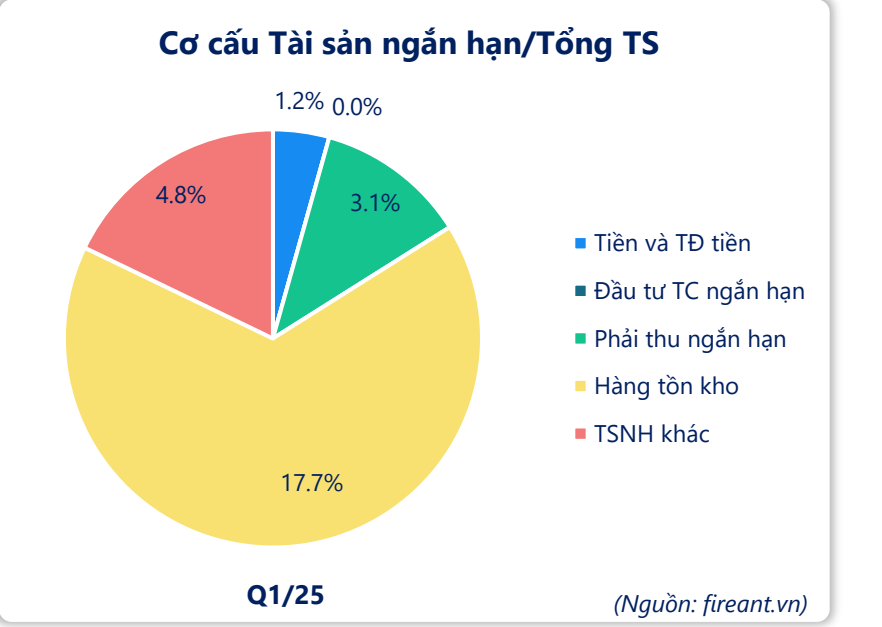
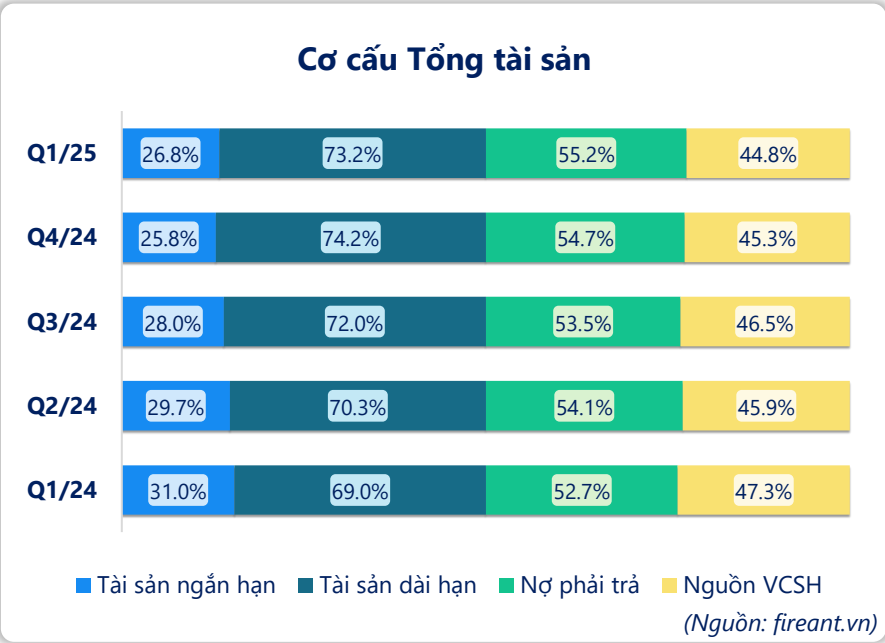
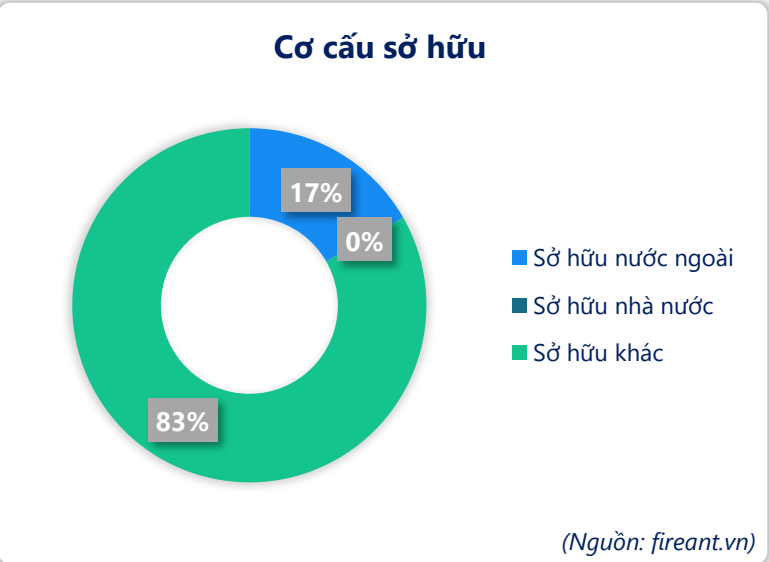
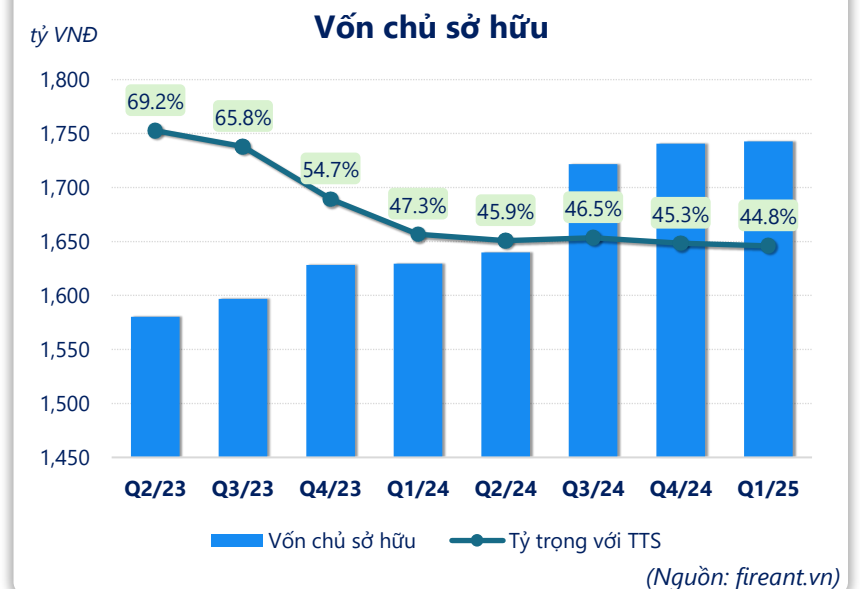
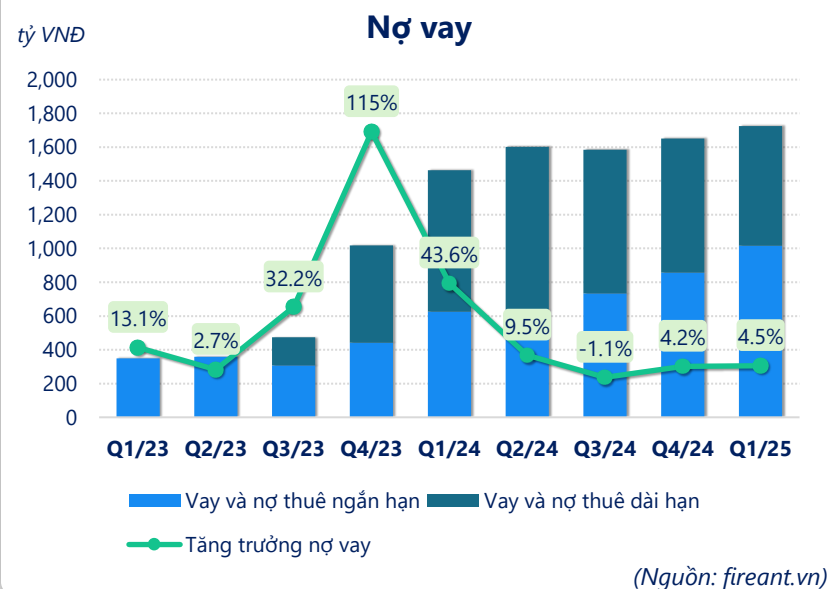
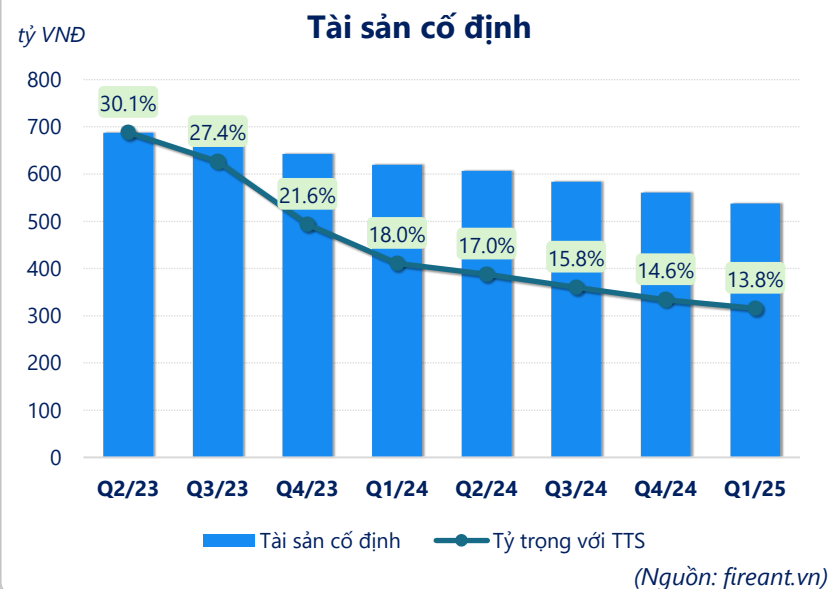
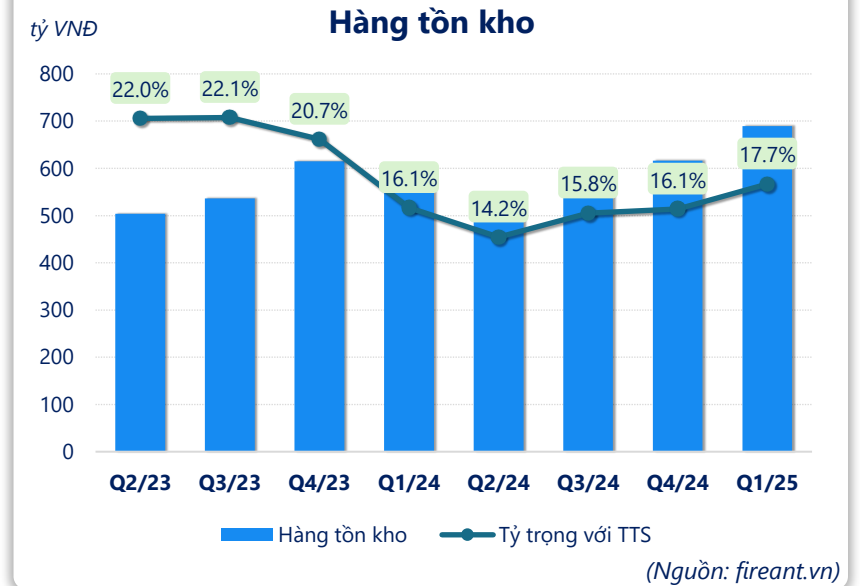
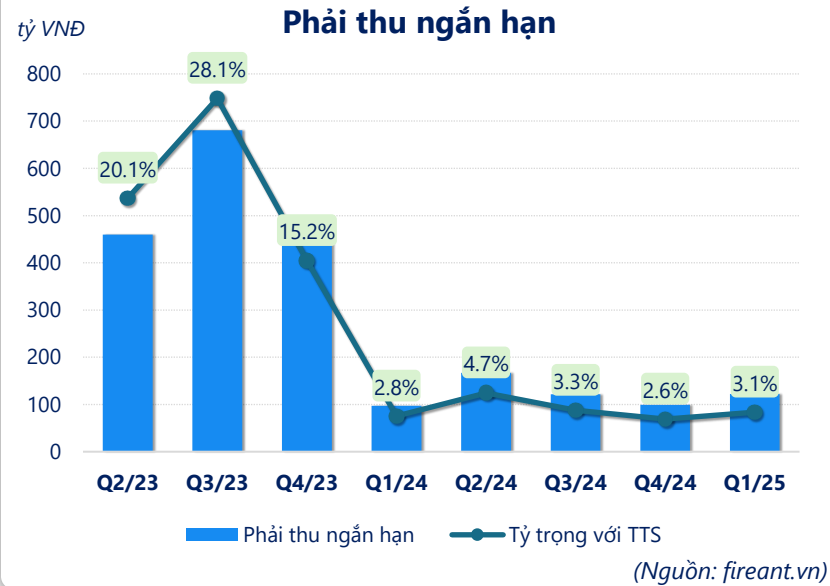
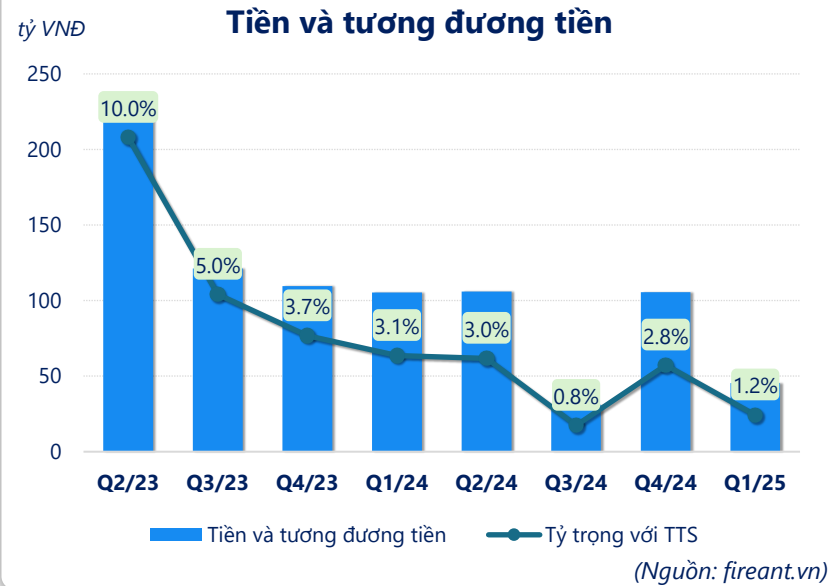
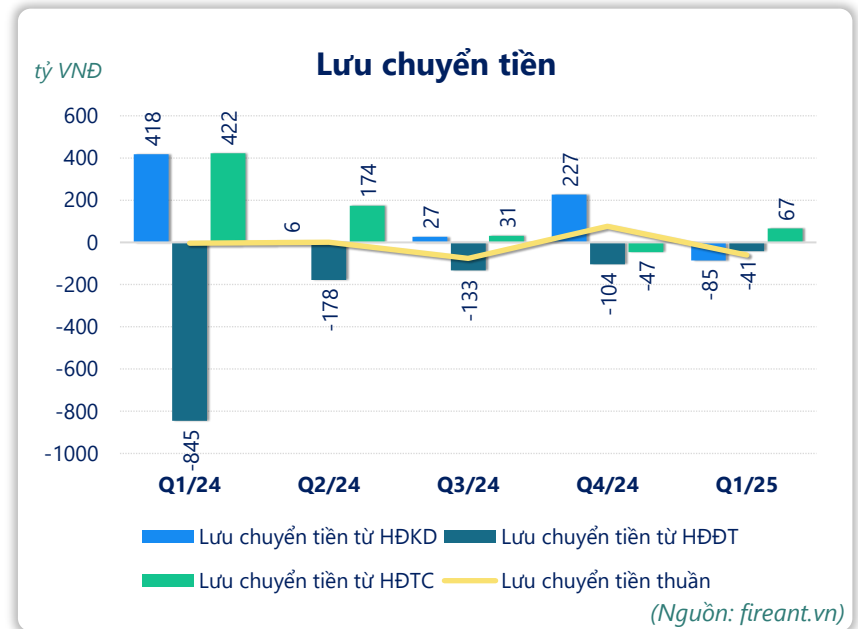
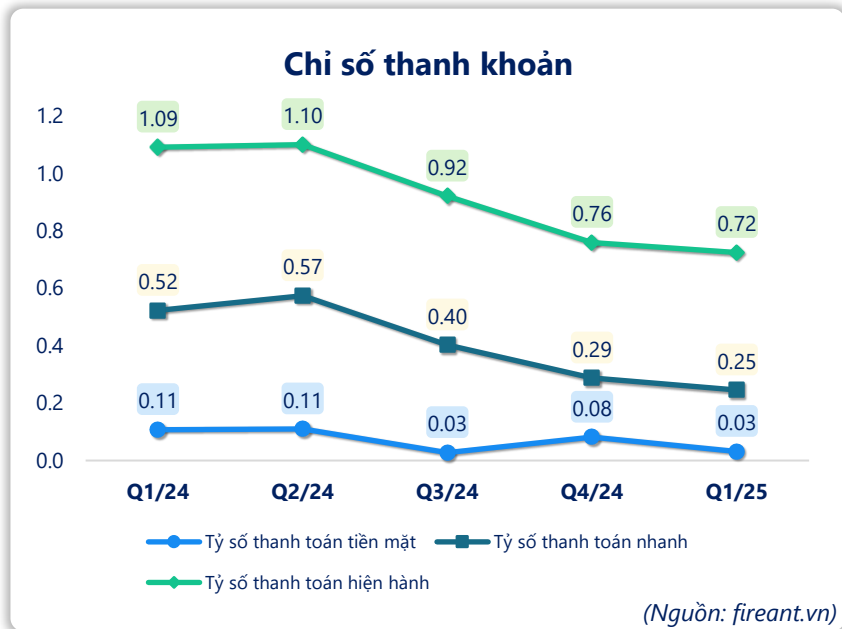
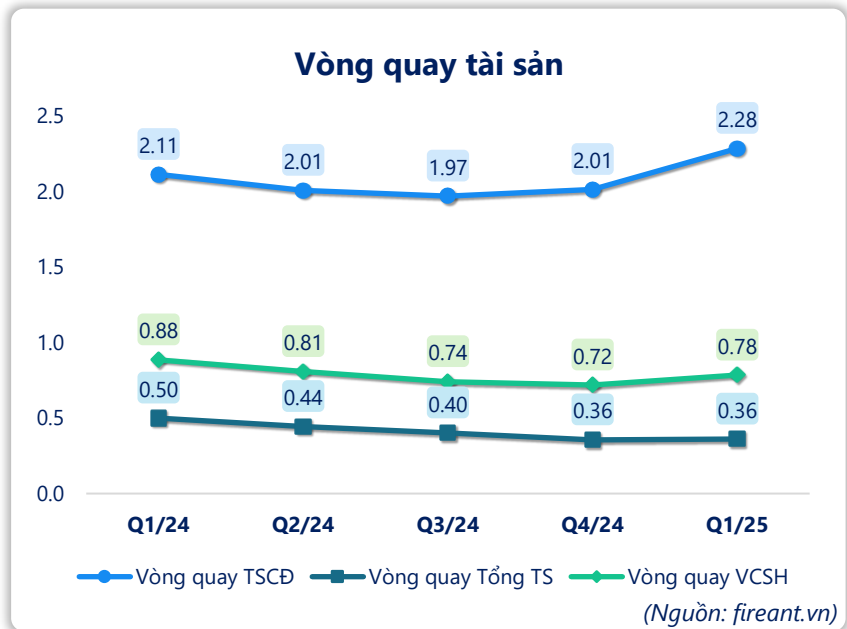
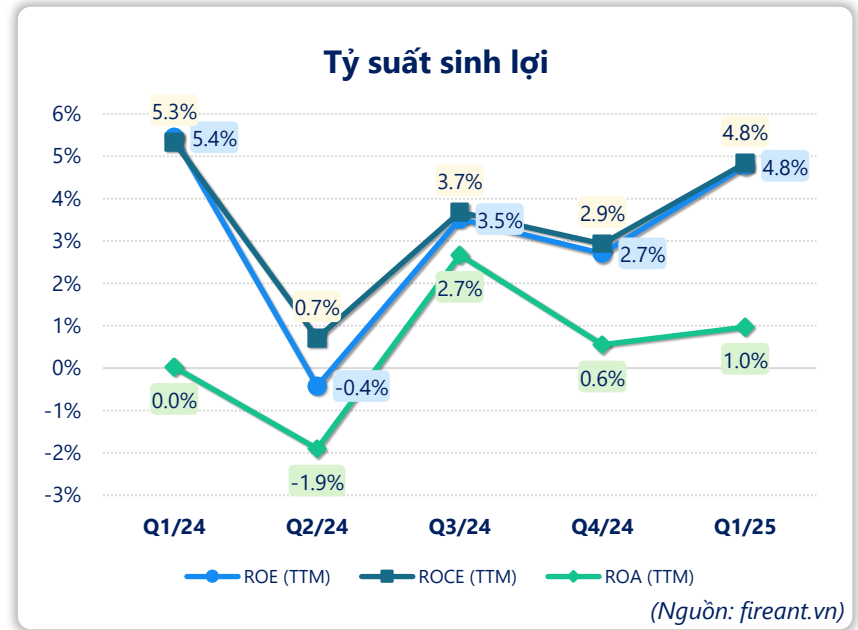
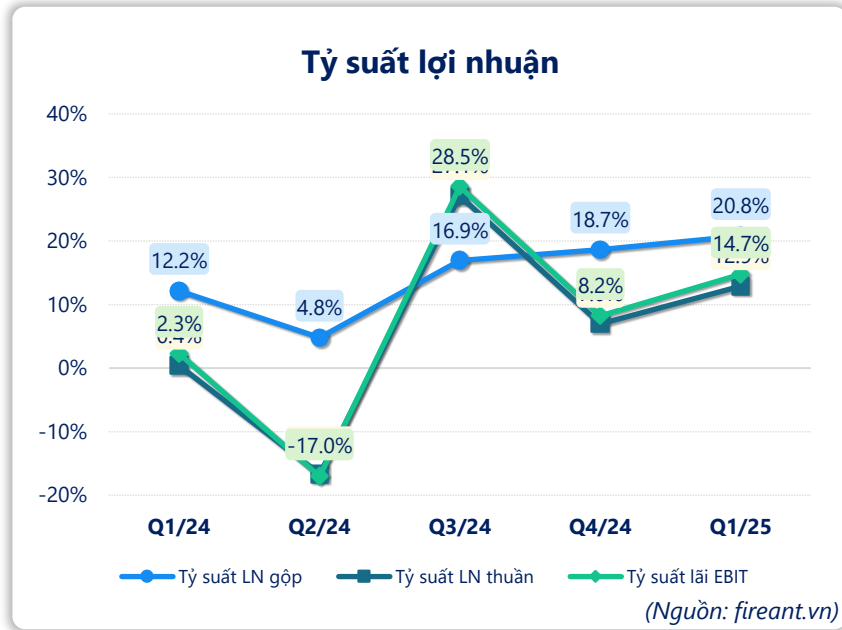
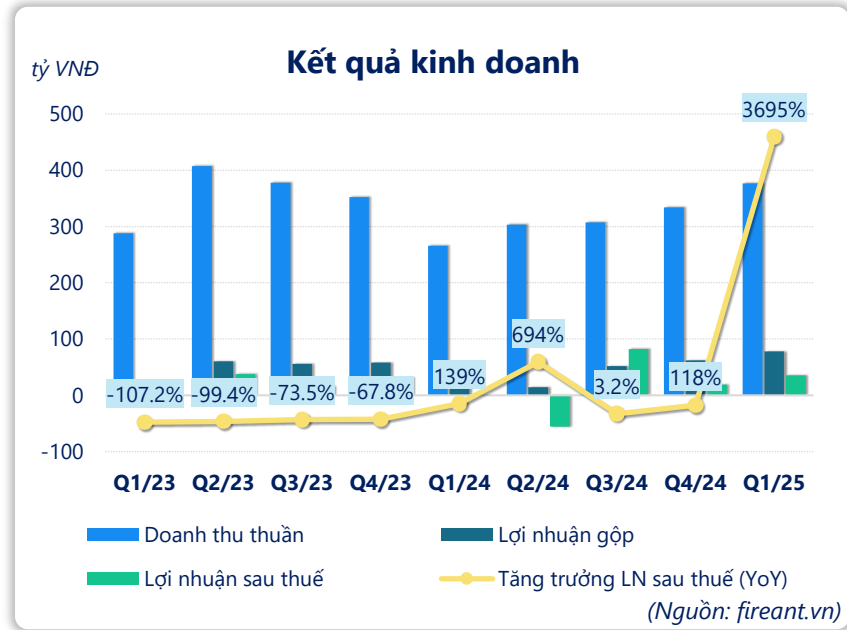


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,750
SL cổ phiếu LH		96,636,924
KLGD BQ 20 phiên (CP)		49,205
% sở hữu nước ngoài		16.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,479
P/E		30.8
EPS		833

	YTD	1T	3T	6T
STK	3.4%	-5.7%	3.0%	-3.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,891	3,811	2.1%
Tài sản ngắn hạn	1,043	997	4.6%
Tiền và tương đương tiền	45.4	106	-57.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	122	105	15.9%
Hàng tồn kho	689	616	11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	186	170	9.4%
Tài sản dài hạn	2,848	2,814	1.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	537	561	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2,171	2,111	2.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.8	13.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	126	129	-2.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,148	2,104	2.1%
Nợ ngắn hạn	1,440	1,311	9.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,017	858	18.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	354	378	-6.2%
Nợ dài hạn	708	793	-10.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	707	792	-10.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,743	1,707	2.1%
Vốn chủ sở hữu	1,743	1,707	2.1%
Vốn điều lệ	966	966	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	266	303	307	334	376
Giá vốn hàng bán	233	289	255	272	298
Lợi nhuận gộp	32.3	14.6	52.0	62.4	78.3
Doanh thu HĐTC	6.12	8.08	11.4	-12.7	10.8
Chi phí TC	17.7	57.6	-36.5	13.4	24.2
Chi phí lãi vay	4.91	3.68	4.45	4.10	6.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.62	2.00	2.35	2.50	2.22
Chi phí QLDN	14.0	13.6	14.3	10.4	14.0
LN thuần từ HĐKD	1.06	-50.6	83.2	23.3	48.6
Lợi nhuận khác	0.08	-4.73	0.01	0.01	0.14
LN trước thuế	1.15	-55.3	83.2	23.3	48.7
Lợi nhuận sau thuế	0.71	-55.7	81.8	18.8	35.6
LNST của CĐ cty mẹ	0.71	-55.7	81.8	18.8	35.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	418	5.53	26.8	227	-85.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-845	-178	-133	-104	-41.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	422	174	31.0	-46.7	66.5
Tiền đầu kỳ	109	105	106	30.9	106
Lưu chuyển tiền thuần	-4.40	0.89	-75.6	76.2	-60.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.17	-0.14	0.51	-1.51	-0.09
Tiền cuối kỳ	105	106	30.9	106	45.4

(Nguồn: fireant.vn)